

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

Số: 102/STP-VP
V/v góp ý dự thảo Bảng tiêu chí chấm
điểm Sở Tư pháp năm 2015.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 7 năm 2015

Kính gửi:

- Các Phòng chuyên môn và tương đương;
- Các đơn vị thuộc Sở Tư pháp.

Ngày 15/7/2015 Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2461/BTP-TĐKT ngày 10/7/2015 của Bộ Tư pháp về việc góp ý Dự thảo Bảng tiêu chí chấm điểm và xếp hạng Sở Tư pháp năm 2015.

Sở Tư pháp đề nghị các đơn vị truy cập vào Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn/vanbanphapquy> để tải về nội dung văn bản nêu trên thực hiện góp ý đối với dự thảo, ý kiến góp ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp trước ngày 15/8/2015.

Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo STP;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Minh Thiện

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2461** /BTP-TĐKT

Hà Nội, ngày **10** tháng **7** năm **2015**

V/v xin ý kiến đối với Dự thảo
Bảng tiêu chí chấm điểm và xếp
hạng Sở Tư pháp năm 2015.

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG	SỐ: 1430
VĂN	NGÀY: 15/7
ĐẾN	CHUYỂN:

Kính gửi: Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nhằm đánh giá khách quan, toàn diện kết quả công tác tư pháp ở địa phương làm căn cứ cho Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp đồng thời làm cơ sở cho việc bình xét, suy tôn các danh hiệu thi đua năm 2015; trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Tư pháp và ý kiến đề xuất của các đơn vị quản lý thuộc Bộ, Bộ Tư pháp xây dựng Dự thảo Bảng tiêu chí chấm điểm và xếp hạng Sở Tư pháp năm 2015. Để văn bản được hoàn thiện, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho ý kiến góp ý đối với Dự thảo (có Bảng tiêu chí chấm điểm và xếp hạng Sở Tư pháp năm 2015 kèm theo).

Ý kiến góp ý bằng văn bản đề nghị gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) và bằng thư điện tử gửi về địa chỉ thuanph@moj.gov.vn trước ngày **24 tháng 7 năm 2015 (Thứ sáu)** để tổng hợp, hoàn thiện, ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thúy Hiền (để b/c);
- Lưu: VT, TĐKT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG



Nguyễn Thị Tố Nga



Số: /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua và xếp hạng đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2015

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BTP ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua và xếp hạng đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Trưởng, Phó trưởng các Khu vực thi đua, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thủ trưởng (để biết);
- Ban TĐKT Trung ương;
- Công Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

BỘ TRƯỞNG

Hà Hùng Cường

**BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA VÀ XẾP HẠNG ĐỐI VỚI SỞ TƯ PHÁP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTP ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

DỰ THẢO

(Tổng số: 200 điểm)

A. BẢNG CÁC TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	LĨNH VỰC CÔNG TÁC	CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM CỘNG, TRỪ		TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (LÝ DO CỤ THỂ CHÊNH LỆCH VỚI ĐIỂM CHUẨN)
					ĐIỂM CỘNG	ĐIỂM TRỪ		
I.	Trọng tâm công tác Tư pháp năm 2015	1. Công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật và công tác pháp chế (15 điểm)						
		1.1. Công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (9 điểm)	Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân trình Ủy ban nhân dân phê duyệt, điều chỉnh chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt	2				
			Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân	2				

			dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với các Luật mới được ban hành và các văn bản hướng dẫn thi hành					
			Hoàn thành việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân giao; thẩm định 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giao, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và có chất lượng	3				
			Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp, kịp thời, đúng thời gian quy định	1				
			Có kế hoạch, chương trình cụ thể tổ chức thực hiện tốt tổng kết thi hành các văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của cấp trên	1				
		1.2. Công tác pháp chế (6 điểm)	Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác pháp chế hàng năm ở địa phương và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành	2				
			Tham mưu, đề xuất với UBND cấp Tỉnh	2				

			trong việc xây dựng, củng cố thành lập tổ chức pháp chế và có giải pháp nâng cao công tác này tại địa phương					
			Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra công tác pháp chế của tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước ở địa phương	2				
		2. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (15 điểm)						
			Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương	1,5				
			Giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp tỉnh ban hành	1,5				
			Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền có hiệu quả (kiểm tra 80% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền)	1,5				
			Kịp thời xem xét, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và tham mưu xử lý theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được thông báo kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền; phát hiện và kiến nghị xử lý kịp thời đối với các văn bản quy	2				

			phạm pháp luật có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thông qua kiểm tra văn bản theo thẩm quyền					
			Tổ chức thực hiện rà soát thường xuyên kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 16/2013/NĐ-CP	2				
			Kịp thời công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực định kỳ hàng năm theo quy định	1,5				
			Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu của Bộ Tư pháp trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn	1,5				
			Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này tại cấp huyện, cấp xã)	2				
			Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Nghị định số 16/2013/NĐ-CP	1,5				
		3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hoà giải cơ sở, hương ước, quy ước và chuẩn tiếp cận pháp luật của						

		người dân ở cơ sở (15 điểm)					
		Tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật hòa giải ở cơ sở; Chỉ thị số 32-CT/TW, Kết luận số 04-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 409/QĐ-TTg, Quyết định số 1133/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2015 (ban hành chậm nhất tháng 02/2015) <i>(0,5 điểm)</i>. - Ban hành Kế hoạch công tác của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2015 <i>(0,5 điểm)</i>. - Ban hành văn bản hướng dẫn, tình hình tổ chức thực hiện, báo cáo sơ kết 03 năm việc triển khai thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ <i>(0,5 điểm)</i>. - Ban hành văn bản hướng dẫn, tình hình tổ chức thực hiện và báo cáo sơ kết đánh giá 05 năm thực hiện Quyết định 06/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ <i>(0,5 điểm)</i>.	2				

		Ban hành Kế hoạch và thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả các Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp: - Đề án 2 “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước” <i>(0,5 điểm)</i>. - Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên” <i>(0,5 điểm)</i>. - Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân” <i>(0,5 điểm)</i>. - Đề án Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2013 – 2016 <i>(0,5 điểm)</i>. - Đề án đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân giai đoạn	2,5				
--	--	---	-----	--	--	--	--

			2015- 2020 (0,5 điểm)					
			Tổ chức triển khai Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật: - Hội đồng phối hợp PBGDPL tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ (1 điểm). - Tham mưu ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật năm 2015 (0,5 điểm). - Tổ chức PBGDPL cho các đối tượng đặc thù theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (0,5 điểm). - Hướng dẫn, tổ chức các hoạt động xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để thu hút sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân như cơ quan truyền thông báo chí..., hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác này (0,5 điểm). - Cùng cố, kiện toàn; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18/12/2013 của	4				

		Bộ Tư pháp (0,5 điểm). - Tham mưu Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản bảo đảm kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác này (0,5 điểm). - Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đổi mới nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BGDDĐT-BTP ngày 16/11/2010 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tư pháp (0,5 điểm).					
		Hướng ứng, tổ chức thành công Cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (thành lập Ban tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ giúp việc, triển khai cuộc thi...)	1,5				
		Tổ chức triển khai Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật: - Rà soát, đánh giá, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở, tổ hòa giải, đội	3				

			ngũ hòa giải viên <i>(0,5 điểm)</i>. - Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên ở địa phương <i>(0,5 điểm)</i>. - Tỷ lệ hòa giải thành cao từ 80% trở lên (tỷ lệ hòa giải thành: tính tỷ lệ % giữa số vụ việc hòa giải thành trên tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải <i>(0,5 điểm)</i>). - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hòa giải trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương <i>(0,5 điểm)</i>. - Tham mưu ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở <i>(0,5 điểm)</i>. - Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở trên địa bàn <i>(0,5 điểm)</i>.					
			Tổ chức các hoạt động về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, khu dân cư - Ban hành Kế hoạch phối hợp khảo sát, đánh giá tình hình xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, khu dân cư của địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tại địa phương <i>(0,5 điểm)</i>. - Tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thi	1				

			hành pháp luật và thực trạng xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và những vấn đề đặt ra tại địa phương; có Báo cáo rà soát, đánh giá gửi Bộ Tư pháp đúng thời hạn nêu tại Công văn số 1306/BTP-PBGDPL ngày 22/4/2015 của Bộ Tư pháp (0,5 điểm).					
			Tình hình thực hiện Quyết định 09/2013/QĐ-TTg và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai làm thử việc đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật - Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung nhiệm vụ xây dựng địa phương tiếp cận pháp luật trong Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tư pháp địa phương (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp) và các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có liên quan theo quy định Khoản 11 Điều 2 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BNV-BTP ngày 22/12/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	1				

		ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện (0,5 điểm). - Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động theo trách nhiệm được giao tại Quyết định số 2143/QĐ-BTP ngày 18/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (0,5 điểm).					
		4. Lĩnh vực công tác Trợ giúp pháp lý (15 điểm)					
		Có Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Luật TGPL theo yêu cầu của Bộ Tư pháp bảo đảm chất lượng và đúng thời hạn.	2				
		Triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác TGPL năm 2015: - Kế hoạch công tác TGPL năm 2015 của địa phương phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm theo Công văn số 587/BTP-TGPL ngày 27/2/2015 của Bộ Tư pháp về việc nhiệm vụ trọng tâm công tác TGPL (2 điểm) - Kết quả thực hiện vụ việc + Kết quả vụ việc tham gia tố tụng năm 2015 tăng so với năm 2014 (1 điểm); + Kết quả vụ việc tham gia ngoài tố tụng năm 2015 tăng so với năm 2014 (1 điểm); + Kết quả vụ việc tư vấn pháp luật tại trụ sở, tư vấn pháp luật tiền tố tụng năm 2015 tăng so với năm 2014 (1 điểm)	5				
		Đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo	4				

		Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL + Có Kế hoạch đánh giá chất lượng vụ việc TGPL và báo cáo việc thực hiện đánh giá chất lượng vụ việc TGPL <i>(1 điểm)</i>. + 100% số vụ việc TGPL được đánh giá: đạt chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL <i>(2 điểm)</i>. + Không có khiếu nại về chất lượng vụ việc TGPL từ người được TGPL hoặc có khiếu nại nhưng khiếu nại không đúng <i>(1 điểm)</i>.					
		Thực hiện TGPL trong hoạt động tố tụng + Có ban hành Kế hoạch phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng ở địa phương <i>(1 điểm)</i>. + Số vụ việc tham gia tố tụng của Trung tâm/Tổng số vụ án thụ lý ở địa phương thuộc đối tượng được TGPL <i>(1 điểm)</i>. + 100% Trợ giúp viên pháp lý (được bổ nhiệm từ 6 tháng trở lên) tham gia tố tụng <i>(1 điểm)</i>. + Thực hiện thống kê, báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT <i>(1 điểm)</i>.	4				
		5. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (15 điểm)					

		5.1. Lĩnh vực hộ tịch (8 điểm) Có Kế hoạch và tổ chức triển khai có hiệu quả, chất lượng Kế hoạch thi hành Luật hộ tịch, trong đó: - Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch trong quý I, đầu quý II/2015 (0,5 điểm) - Rà soát và có kết quả rà soát đúng thời hạn các văn bản QPPL liên quan đến Luật hộ tịch, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản QPPL bảo đảm thi hành hiệu quả Luật hộ tịch (0,5 điểm) - Rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, đề xuất lộ trình đào tạo, bồi dưỡng theo đúng Kế hoạch (0,5 điểm) - Tổ chức quán triệt Luật hộ tịch cho cán bộ, công chức; có các hình thức tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch tới người dân trên địa bàn hiệu quả (0,5 điểm)	2				
		Chủ động trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, đăng ký hộ tịch cho người dân, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ sở, trong đó: - Không có Công văn xin ý kiến nghiệp vụ đối với những việc pháp luật đã quy định cụ thể (1 điểm) - Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ	2,5				

		những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp <i>(1 điểm)</i> - Có sáng kiến, giải pháp tích cực trong việc đăng ký, quản lý hộ tịch <i>(0,5 điểm)</i>					
		Không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong đăng ký và quản lý hộ tịch, trong đó: - Không có cán bộ, công chức có vi phạm pháp luật trong đăng ký, quản lý hộ tịch <i>(1 điểm)</i> - Không có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc đăng ký hộ tịch sai quy định <i>(1 điểm)</i> - Không có kiến nghị, phản ánh về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà <i>(0,5 điểm)</i>	2,5				
		Xử lý thông tin báo chí kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu.	1				
	5.2. Lĩnh vực quốc tịch <i>(2 điểm)</i>	Giải quyết các việc về quốc tịch theo đúng trình tự, thủ tục từ khi tiếp nhận đến khi trả kết quả (bảo đảm về tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, thời hạn giải quyết)	1,5				
		Chủ động tham mưu, đề xuất với Bộ Tư pháp xử lý các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn liên quan đến vấn đề quốc tịch	0,5				

		5.3 Lĩnh vực chứng thực (5 điểm)	Triển khai thực hiện tốt Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về công tác chứng thực tại địa phương. Chủ động chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực cho địa phương. Trong đó: - Kịp thời phối hợp với Sở Tài chính, Sở ngành liên quan, nghiên cứu trình UBND cấp tỉnh quy định mức trần chi phí chứng thực để áp dụng phù hợp, thống nhất trong địa phương (1 điểm) - Kịp thời tổ chức tập huấn cho tất cả cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại Phòng Tư pháp, UBND cấp xã trên địa bàn (1 điểm) - Bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch giúp UBND cấp xã thực hiện công tác chứng thực tại UBND cấp xã theo đúng quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (đối với những địa phương trước đây chưa bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch) (0,5 điểm)	2,5				
			Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính; Báo cáo kết quả triển khai Chỉ thị số	2				

			17/CT-TTg đúng thời hạn và bảo đảm chất lượng báo cáo. Trong đó: - Triển khai có hiệu quả (0,5 điểm) - Đúng thời hạn (0,5 điểm) - Bảo đảm chất lượng báo cáo (1 điểm)					
			Không để xảy ra vụ việc “nóng”, báo chí phản ánh về lĩnh vực chứng thực	0,5				
		6. Công tác Hỗ trợ Tư pháp (20 điểm)						
		6.1. Lĩnh vực luật sư (6 điểm)	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, thực hiện có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật luật sư; đôn đốc các Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 18, Điều 20, Điều 92a; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.	2				
			Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 5/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ) và Đề án 123 (ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ).	2				
			Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, xây dựng	2				

			Kế hoạch về thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư để bảo đảm hoạt động của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật.					
		6.2. Lĩnh vực công chứng (6 điểm)	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền và tập huấn có hiệu quả Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	2				
			Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, ban hành các văn bản theo thẩm quyền nhằm triển khai có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương theo Điều 70 Luật công chứng năm 2014.	2				
			Các hoạt động khác liên quan đến việc triển khai và thi hành có hiệu quả Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	1				
			Thành lập được Hội công chứng tại địa phương.	1				
		6.3. Lĩnh vực giám định tư pháp (4 điểm)	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả Luật giám định tư pháp.	1				
			Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thi hành có hiệu quả Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 01/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ	1				

			về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.					
			Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả và tổng kết Đề án “Đổi mới và nâng cao hoạt động giám định tư pháp” (ban hành kèm theo Quyết định 258/QĐ-TTg ngày 11/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ), Chỉ thị số 1958/CT-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động giám định tư pháp.	2				
		6.4. Lĩnh vực bán đấu giá tài sản (4 điểm)	Triển khai Đề án “Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020” (ban hành kèm theo Quyết định 1076/QĐ-BTP ngày 10/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).	1				
			Phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản, kịp thời tham mưu đề xuất UBND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.	1				
			Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát	1				

		hiện và xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm pháp luật về bán đấu giá tài sản.					
		Thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức bán đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương.	1				
		7. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (15 điểm)					
	7.1. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (2 điểm)	Ban hành các Kế hoạch liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính đầy đủ, đúng hạn	1				
		Thực hiện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính đúng hạn, đầy đủ nội dung	1				
	7.2. Kiểm soát quy định thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (4 điểm)	- Thực hiện đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong quá trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: + Đánh giá tác động đầy đủ các thủ tục hành chính (0,5 điểm) + Đánh giá tác động đúng theo yêu cầu của các biểu mẫu tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 (1,5 điểm)	2				
		- Thẩm định và tham gia ý kiến về quy định thủ tục hành chính đảm bảo đúng thời hạn yêu cầu, bám sát nội dung quy định tại Điều 7, 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP,	2				

			Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 48/2014/NĐ-CP					
		7.3. Kiểm soát thực hiện thủ tục hành chính (5 điểm)	Công bố đầy đủ, chính xác thủ tục hành chính theo quy định	1				
			Cập nhật thủ tục hành chính kịp thời, đầy đủ và chính xác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	1				
			Niêm yết kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, thủ tục hành chính tại nơi giải quyết thủ tục hành chính	1				
			Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định	2				
		7.4. Rà soát, đánh giá, đề xuất sáng kiến cải cách quy định, thủ tục hành chính (2 điểm)	Có kế hoạch rà soát	0,5				
			Có phương án đơn giản hóa được phê duyệt	0,5				
			Có nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách quy định, thủ tục hành chính, trình Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0,5				
			Có sáng kiến cải cách quy định, thủ tục hành chính đã được Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua	0,5				
		7.5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh,	Thực hiện xử lý đúng quy định phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền theo quy	1				

		<i>kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính (2 điểm)</i>	định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP					
			Thực hiện chuyển yêu cầu xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính không thuộc thẩm quyền	1				
		<i>7.6. Chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh (5 điểm)</i>	Rà soát, công bố, chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh trước ngày 30/11/2015	2,5				
			Niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính sau khi quyết định công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa theo từng cấp giải quyết được ban hành trước ngày 31/12/2015	2,5				
		8. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật (15 điểm)						
		<i>8.1. Công tác tổ chức triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (4 điểm)</i>	- Xây dựng Kế hoạch chung về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và được UBND tỉnh phê duyệt.	2				
			Tham mưu đề xuất UBND kiện toàn bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác	2				

			thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP					
		8.2. Thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính (4 điểm)	- Tham mưu cho UBND cấp tỉnh tổ chức các đợt kiểm tra, xây dựng kế hoạch kiểm tra; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để đảm bảo hoạt động xử lý vi phạm hành chính đúng pháp luật, hiệu quả.	2				
			- Theo dõi các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để đề xuất với Bộ Tư pháp sửa đổi hoặc Bộ Tư pháp kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, góp phần hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	1				
			- Chủ động nghiên cứu, xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh trên thực tế, có nhiều sáng kiến, giải pháp cải cách phát triển công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính.	1				
		8.3. Công tác theo dõi tình	Xây dựng kế hoạch chung về tình hình thi hành pháp luật năm 2015	2				

	hình thi hành pháp luật (7 điểm)	Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện hoặc thực hiện theo thẩm quyền việc hướng dẫn, đôn đốc hoặc kiểm tra tình hình thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1				
		Xây dựng Kế hoạch và tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2				
		Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật về chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	2				
	9. Nhóm công tác chuyên môn khác (25 điểm)						
	9.1. Công tác bồi thường nhà nước (5 điểm)	Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác bồi thường nhà nước năm 2015 trên địa bàn nhằm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân	5				

			huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.					
		9.2. Công tác Lý lịch tư pháp (10 điểm)	Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương + Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về lý lịch tư pháp, tuyên truyền phổ biến pháp luật về lý lịch tư pháp	2				
			Triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tăng cường, xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp: - Xây dựng Kế hoạch triển khai Chỉ thị (0,5 điểm) - Phổ biến, quán triệt nội dung của Chỉ thị (0,5 điểm)	1				
			Thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp: - Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Bộ Tư pháp (1 điểm) - Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp	4,5				

		quốc gia cung cấp (1 điểm) - Thực hiện lập Lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung (1 điểm) - Thực hiện cung cấp bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp khác (1 điểm) - Thực hiện đúng quy định về rà soát số lượng thông tin lý lịch tư pháp cho các cơ quan cung cấp (0,5 điểm)					
		Thực hiện nhiệm vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp: - Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp (1 điểm) - Thực hiện đúng trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ, trả Phiếu lý lịch tư pháp (1 điểm) - Bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp (0,5 điểm)	2,5				
	9.3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (10 điểm)	Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm đúng thời hạn	2				
		Triển khai thực hiện cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch - Triển khai thực hiện cuộc thanh tra hành chính (1 điểm) - Triển khai thực hiện cuộc thanh tra	3,5				

		chuyên ngành (1 điểm) - Triển khai kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (0,5 điểm) - Kiểm tra sau thanh tra (1 điểm)					
		Công tác khiếu nại, giải quyết tố cáo: - Tổ chức công tác tiếp dân (1 điểm) - Xử lý đơn thư kịp thời, chính xác, đúng quy định (1 điểm) - Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, các vụ việc, tố cáo phức tạp, các vụ việc tồn đọng được cơ quan thẩm quyền giao (1 điểm)	3				
		Công tác phòng, chống tham nhũng: - Chấp hành nghiêm quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định (1 điểm) - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Sở Tư pháp (0,5 điểm)	1,5				
II.	Thực hiện các nhiệm vụ khác	1. Thực hiện chế độ báo cáo (25 điểm) 1.1. Chế độ báo cáo công tác định kỳ (15 điểm) - Thực hiện chế độ báo cáo công tác định kỳ bảo đảm : + Đúng tiến độ và thời gian quy định (theo các công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp) (3 điểm) + Bảo đảm kết cấu, chất lượng (đầy đủ các	15				

			mặt công tác; đưa ra nhận xét, đánh giá về ưu điểm, tồn tại, hạn chế, phương hướng, nhiệm vụ.) (5 điểm) + Bảo đảm tính chính xác (số liệu báo cáo và các đánh giá, nhận xét sát với tình hình thực tế) (5 điểm) + Gửi kèm văn bản điện tử (2 điểm)					
		1.2. Chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP (10 điểm)	- <i>Giới đủ báo cáo, nộp báo cáo đúng hạn, đúng thể thức theo quy định</i> + Đủ số lượng biểu báo cáo thống kê có chữ ký và đóng dấu của người có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP (2 điểm) + Báo cáo thống kê đúng hạn (2 điểm) + Báo cáo thống kê đúng thể thức (1 điểm)	5				
			- <i>Đảm bảo chất lượng của nội dung số liệu thống kê:</i> + Tính đúng (không cộng tổng sai, không nhầm về đơn vị tính) (2 điểm) + Báo cáo đủ thông tin chi tiết trong biểu mẫu (1 điểm) + Nội dung số liệu đảm bảo tính hợp lý (2 điểm)	5				
		2. Công tác tổ chức xây dựng Ngành và đào tạo cán bộ (15 điểm)						
			- Kịp thời triển khai thực hiện Thông tư	2				

		liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV tại địa phương + Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV <i>(1 điểm)</i> + Thực hiện phổ biến, quán triệt, hướng dẫn triển khai Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV <i>(1 điểm)</i>					
		Tham mưu, trình UBND cấp tỉnh kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV + Xây dựng, trình UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV <i>(2 điểm)</i> + Thực hiện rà soát biên chế công chức, viên chức, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ, điều chỉnh số lượng biên chế công chức, viên chức của Sở Tư pháp, bảo đảm triển khai thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật <i>(2 điểm)</i>	6				

			+ Hướng dẫn các Phòng Tư pháp trên địa bàn trình cấp có thẩm quyền các văn bản, đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, biên chế của Phòng Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật <i>(2 điểm)</i>					
			Tham mưu kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tại đại phương, bảo đảm không bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm chức danh khác theo đúng quy định. Đến cuối năm 2015 bảo đảm 50% số UBND cấp xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch chuyên trách, 90% số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật trở lên.	3				
			Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho UBND cùng cấp chỉ đạo các ngành, các doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức triển khai hoạt động pháp chế theo đúng quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV	2				
			Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh, xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào	2				

		tạo và chế độ chính sách đối với công chức, viên chức - Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh, xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch và chế độ chính sách đối với công chức, viên chức <i>(1 điểm)</i> - Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo quy định <i>(1 điểm)</i>					
		3. Công tác thi đua, khen thưởng (10 điểm)					
		- Thực hiện phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua.	1				
		- Có Kế hoạch phát động phong trào thi đua và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua kết hợp chặt chẽ giữa thực hiện phong trào thi đua thường xuyên "Đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, trách nhiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2015, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp (28/8/1945 – 28/8/2015) và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp	3				

			lần thứ IV" với các phong trào thi đua theo chuyên đề như: phong trào thi đua "Cơ quan tư pháp địa phương thi đua lập thành tích, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của ngành Tư pháp năm 2015", phong trào thi đua "Cán bộ ngành Tư pháp tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; Phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp (28/8/1945 – 28/8/2015) và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ IV.					
			Tổ chức các hoạt động sơ kết giai đoạn 1 (2012 - 2015) của phong trào thi đua "Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới" theo Kế hoạch của Bộ Tư pháp	1				
			Tổ chức thành công Hội nghị điển hình tiên tiến cấp cơ sở theo Kế hoạch và Hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1				
			- Tổ chức công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến.	1				
			- Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng khách quan, chính xác, công	1				

			khai, dân chủ.					
			- Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng.	2				
TỔNG ĐIỂM				200				

B. QUY TRÌNH CHẤM ĐIỂM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

1. Đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cách tính điểm

Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí đã được quy định, cách tính điểm như sau:

- Tiêu chí nào hoàn thành 100% về số lượng, tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả thì đạt số điểm chuẩn như quy định.

- Tiêu chí nào hoàn thành vượt số lượng, trước tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả thì số điểm được tính = Số điểm chuẩn + điểm cộng (tỷ lệ % hoàn thành vượt x số điểm chuẩn).

Ví dụ: Một tiêu chí có số điểm chuẩn là 4 điểm, nếu hoàn thành vượt mức 20%.

Số điểm được tính cho tiêu chí này là: $4 + (4 \times 20\%) = 4,8$ điểm.

- Tiêu chí nào đã thực hiện nhưng chưa đạt 100%, thì số điểm được tính = Số điểm chuẩn - điểm trừ (tỷ lệ % không hoàn thành x số điểm chuẩn) và phải nêu rõ lý do.

Ví dụ: Một tiêu chí có số điểm chuẩn là 4 điểm, nếu mức độ hoàn thành chỉ đạt 80%.

Số điểm được tính cho tiêu chí này là: $4 - (4 \times 20\%) = 3,2$ điểm.

- Tiêu chí nào chưa thực hiện được thì đạt 0 điểm.

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng} = \frac{\text{Tổng điểm của Sở Tư pháp tự chấm} + (\text{Tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm} \times 2)}{3}$$

Ví dụ: - Sở Tư pháp A tự chấm tổng điểm đạt **198** điểm.

- Các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp A đạt tổng điểm **180** điểm.

Kết quả là:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá} \\ \text{xếp hạng đối với Sở Tư pháp A} \end{array} = \frac{198 + (180 \times 2)}{3} = 186 \text{ điểm}$$

II. VỀ XẾP HẠNG

Trên cơ sở kết quả thành tích công tác đã đạt được trong năm 2015, kết quả chấm điểm thi đua đối với các Sở Tư pháp, nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí và chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý các lĩnh vực, nhiệm vụ của Sở Tư pháp và ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng các hạng trong năm 2015, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xem xét, báo cáo xin ý kiến tập thể lãnh đạo Bộ và trình Bộ trưởng xem xét, quyết định xếp hạng các Sở Tư pháp năm 2015 thành **4** hạng: **Hạng A** (xuất sắc), **Hạng B** (khá), **Hạng C** (trung bình) và **Hạng D** (yếu). Cụ thể như sau:

- **Hạng A:** Lựa chọn, xem xét các đơn vị đạt từ **180** điểm trở lên;
- **Hạng B:** Lựa chọn, xem xét các đơn vị đạt từ **160** đến dưới **180** điểm;
- **Hạng C:** Xem xét các đơn vị đạt từ **150** đến dưới **160** điểm;
- **Hạng D:** Các đơn vị đạt dưới **150** điểm.

***Lưu ý:** Xếp hạng C trở xuống đối với các trường hợp sau đây:

- Đơn vị để xảy ra tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí, đã có kết luận thanh tra, kiểm tra.
- Đơn vị có cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc có cá nhân vi phạm pháp luật bị truy tố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm kết quả công tác được tính *từ 01/01/2015 và ước tính đến 31/12/2015* gửi về Bộ Tư pháp 01 bản (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) và Khu vực thi đua 01 bản *trước ngày 5 tháng 11 năm 2015*.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí và chấm điểm theo các thang, bảng điểm đã được quy định hoàn thành *trước ngày 15/11/2015*.

3. Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm tổng hợp kết quả tự chấm điểm của các Sở Tư pháp và kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp tổ chức đánh giá, dự kiến xếp hạng, báo cáo tập thể Lãnh đạo Bộ xem xét cho ý kiến và trình Bộ trưởng quyết định *trước ngày 30/11/2015*, gửi Quyết định xếp hạng Sở Tư pháp năm 2015 về các Sở Tư pháp và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương *chậm nhất sau 10 ngày* kể từ khi được Lãnh đạo Bộ ký ban hành.

4. Căn cứ kết quả tự chấm điểm của Sở Tư pháp trong năm 2015, Khu vực thi đua tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí và bình xét, suy tôn danh hiệu Cờ Thi đua ngành Tư pháp đối với các Sở Tư pháp tại Hội nghị Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của các Khu vực thi đua năm 2015./.